

Về núi Ba Thê nhớ mùa len trâu

Phượng Huy

Hôm cuối tháng 8/2019 vừa qua, tôi lại được đi cùng các anh chị em trong Hội Văn nghệ dân gian TP. Cần Thơ lên tham quan núi Ba Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Đây là lần thứ ba tôi trở lại Ba Thê để tham quan và xem những di sản khảo cổ. Lần đầu tiên tôi đến ngọn núi này cách đây 9 năm, khi ấy đường vô Gò Cây Thị còn nhỏ hẹp và chưa bằng phẳng như bây giờ. Lần thứ nhì tôi lên núi Ba Thê vào dịp khai mạc Triển lãm chuyên đề Gốm Óc Eo lần thứ I ngày 29/9/ năm 2017. Với tôi, ngay từ lần thăm đầu tiên hòn núi cô đơn hình hạt điều ở phía Nam Cánh đồng tứ giác Long Xuyên này như ẩn chứa một điều gì đó rất đặc biệt, luôn cuốn hút tôi.

Trước khi đến Ba Thê tôi đã nghe tên núi Ba Thê hay Vọng Thê này lâu rồi, đầu từ hồi mới 14, 15 tuổi. Hồi đó, những địa danh xa xôi như Linh Quỳnh, Sóc Xoài, Ba Thê... đã bắt đầu ám ảnh tôi qua những truyện ngắn của nhà văn Sơn Nam, trong đó có truyện “Mùa len trâu” trong tập Hương rừng Cà Mau. Theo mô tả từ những trang văn của ông Sơn Nam thì vùng tứ giác Long Xuyên hồi thập niên 50, 60 thế kỷ trước, hễ đến mùa nước nổi là ngập lụt mênh mông cả mấy tháng trời. Các đồng cỏ trên các gò cao miệt Hòn Sóc, Linh Quỳnh... dần dần đều

bị ngập, hết cỏ cho trâu ăn nên những nhà có nuôi nhiều trâu buộc lòng phải giao trâu cho đám tăng khạo đem đi len, nghĩa là dẫn cả đoàn trâu ba bốn trăm con đi tản đến những vùng ven đồi cách xa mấy ngày đường nuôi dưỡng. Mỗi đoàn len trâu có từ bốn đến năm sáu tay anh chị cầm đầu, nhiều khi còn có thêm vài người nhà của chủ trâu đi theo. Địa bàn len trâu tùy theo mùa nước nhưng cũng loanh quanh trong vùng Sóc Xoài, Ba Thê rồi lên Bảy Núi. Trong trí óc thơ ngây hồi đó tôi thường hay liên tưởng và khâm phục hình ảnh thằng Nhi con chú Tư Đình trong truyện Mùa len trâu của Sơn Nam, mới 14 tuổi đã phải rời gia đình ôm nóp dất hai con trâu nhà theo đoàn len trâu qua núi Ba Thê để tìm nguồn cỏ cho trâu cầm hơi. Một kiểu sống có vẻ lãng tử giang hồ trong khi tuổi đời thằng Nhi còn quá nhỏ. Trên là trời, dưới là nước. Ngóng bốn phía không thấy nhà, vậy mà phải ngủ nóp, phải tự nấu nướng lấy mà ăn. Tôi còn thắc mắc khi nhà văn mô tả bọn len trâu ngày ấy có nhiều hôm cầm trâu ở khu vực “Đền vua” gần núi Ba Thê cho bầy trâu thỏa thích tự do. Hãy nghe nhân vật Chú Tư Đình trong truyện ngắn Mùa len trâu tả lại cho thém Tư nghe quãng đời theo len trâu của mình: “*Cảnh núi non thanh lịch, trâu ăn cỏ ngẩng đầu coi mây bay lui tới; ngựa lưng thì trâu cò*

mình vô cột của “đền vua chúa” mà gãi sồn sột. Má nó biết không? Ở núi Ba Thê, trâu len ăn cỏ trên đền vua đời xưa... Vua chúa mất hết, trâu đời đời kiếp kiếp còn đứng đững đững trên mặt đất này hoài!” Vậy là những người dân trong vùng này trước đó đã từng thấy những cây cột từ phế tích những đền miếu xưa mà họ gọi là “Đền vua”. Tôi đã có ấn tượng về núi Ba Thê trước khi có dịp đặt chân đến núi này là vì lý do đó.

Núi Ba Thê (còn có tên là núi Vọng Thê) là ngọn núi sừng sững ở phía Chánh Nam cánh đồng tứ giác Long Xuyên, thuộc thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang với độ cao 221 m và chu vi 4220 m. Núi Ba Thê nằm trong cụm núi gồm 5 ngọn núi ở huyện Thoại Sơn, trong đó núi Ba Thê lớn nhất. Núi Ba Thê cách thành phố Long Xuyên khoảng 40 km, từ trung tâm thành phố du khách có thể đến núi Ba Thê theo con đường quốc lộ 943. Núi Ba Thê tuy không hùng vĩ, sơn thủy hữu tình như cụm núi Thất Sơn xa xa về phía Tây Bắc, cũng không có công viên hồ nước như Núi Sập gần bên, nhưng tự thân chứa đựng một di sản khảo cổ đáng giá ngàn vàng.

Theo những nguồn tư liệu cũ thì vào đầu thập niên 20 thế kỷ trước nhà khảo cổ người Pháp ở Viện Viễn Đông bác cổ là Louis Malleret đã nhờ kỹ thuật không ảnh chụp Miền Nam Việt Nam và đã phát hiện ở cánh đồng Óc Eo những di tích của một đô thị cổ được quy hoạch ngăn nắp, đã bị chôn vùi, có diện tích rộng tới 450 ha. Khu vực này lớn đến nỗi nhà khảo cổ người Pháp Louis Malleret không tin đó là thành trì của một vương quốc đã có từ 1.900 năm về trước. Khu di tích Óc Eo được xây dựng hình chữ nhật với 5-6 bờ thành, hào nước bao quanh, có thủy đạo chạy ngang theo đường trục chính giữa,

lại có thêm nhiều đường nước mở ra ở góc Đông Bắc cho ghe thuyền ra vào trú ẩn. Ngoài hệ thống bờ tường, đường hào thì nơi đây còn có nhiều di tồn kiến trúc kiểu nhà sàn dựng trên cột gỗ được phân bố dọc bên hoặc gần bên thủy đạo chính với khoảng 40 phế tích lớn nhỏ được xây bằng gạch, đá, cát, đất sét... có liên quan tín ngưỡng tôn giáo Hindu, Phật giáo... Đặc biệt khu thành thị này còn được kết nối với một cảng biển có tên là Tà Keo (Cạnh Đền), cách Óc Eo 12 km về phía Tây Nam. Ngoài đặc trưng kiến trúc, tòa thành trì này còn mang dấu tích của một trung tâm tôn giáo văn hóa quan trọng với ba dấu ấn kiến trúc: Vùng Linh Sơn tự, vùng Đông Bắc núi Ba Thê và vùng Giồng Cát, Giồng Xoài.

Và từ đó cho đến nay, qua nhiều cuộc khai quật khác, người ta đã phát hiện được nhiều di vật, nhiều nền móng của các công trình xa xưa. Có cổ vật như khuôn chế tác vật dụng, nữ trang bằng gốm, đá, vàng, đồng (giống như ở Bưng Đá Nổi, Lung Cột Cầu ở Nhơn Thành). Cũng có những cổ vật ở Ba Thê mang đậm dấu ấn văn hóa Phật giáo và đạo Hindu như tượng Phật, linh vật, nhóm tượng Ganesa với mình người đầu voi. Ở chung quanh Ba Thê người ta còn phát hiện nhiều yoni, linga có niên đại cách đây trên dưới mười lăm thế kỷ và rất nhiều xương thú hóa thạch... Số lượng di sản văn hóa Óc Eo tìm thấy phong phú đến nỗi địa danh Gò Cây Thị được mệnh danh là Gò Óc Eo và thị trấn nơi đặt Ban Quản lý Di tích văn hóa Óc Eo trở thành thị trấn Óc Eo như bây giờ.

Từ sau cuộc khai quật của L.Malleret 1944 bắt đầu xuất hiện khái niệm văn hoá Óc Eo và theo một cách lập luận tự nhiên các nhà khoa học đã dễ dàng đi tới nhận định rằng những di sản văn hóa Óc Eo

không thể tách rời vương quốc Phù Nam. Hay nói cách khác, người ta hoàn toàn có cơ sở khoa học để xác quyết những di vật thuộc văn hoá Ốc Eo là di tích văn hoá vật thể của nước Phù Nam. Vấn đề này đã được khẳng định trong nhiều tác phẩm và hội thảo khoa học, đặc biệt là Hội thảo về Văn hoá Ốc Eo – Phù Nam do Bộ KH-CN tổ chức tại Tp. Hồ Chí Minh năm 2004, nhân kỷ niệm 60 năm sự kiện phát hiện văn hoá Ốc Eo. Các học giả cũng đã khẳng định Ốc Eo là một nền văn hoá có nguồn gốc bản địa, ít ra là từ thời đại kim khí và chính trong thời kỳ cường thịnh nhất, Phù Nam đã phát triển thành một đế chế rộng lớn bao gồm toàn bộ phần phía Nam bán đảo Đông Dương (Nam Bộ của Việt Nam hiện nay, nước Campuchia, một phần nam Lào, một phần Thái Lan và bán đảo Malaca), nhưng trung tâm vẫn là vùng đất Nam Bộ Việt Nam.

Có thời kỳ đế chế Phù Nam cường thịnh đã thu phục nhiều lân bang thần phục với tư cách là những thuộc quốc hoặc chư hầu, trong đó có Chân Lạp. Nhưng vào đầu thế kỷ VII, nhân lúc Phù Nam suy yếu, Chân Lạp đã tấn công và sáp nhập được vương quốc Phù Nam.

Sau khi xâm chiếm Phù Nam, người Khmer gọi vùng đất mới này là Thủy Chân Lạp. Nguyên do là vùng đất này còn sinh lầy mỗi năm ngập nước hàng mấy tháng trời. Nhưng, dân số Khmer hồi đó còn quá ít ỏi khó có thể tổ chức một bộ máy cai trị hiệu quả vùng đất mênh mông mới chiếm. Nội tình vùng Lục Chân Lạp cũng chưa hoàn toàn ổn định. Hậu quả là chỉ hơn nửa thế kỷ sau toàn bộ Chân Lạp rơi vào tay người Java mãi cho đến năm 802 mới chấm dứt.

Tuy nhiên, người Khmer sau khi hùng cường trở lại đã muốn dồn sức phát triển

các vùng trung tâm truyền thống của họ ở khu vực Biển Hồ, trung lưu sông Mê Kông và hướng nỗ lực bành trướng sang phía Tây, vùng lưu vực sông Chao Phaya (Thái Lan). Trong khoảng thời gian từ thế kỷ IX đến cuối thế kỷ XI, Chân Lạp lại trở thành một quốc gia cường thịnh, tạo dựng nên nền văn minh Angkor rực rỡ, đồng thời mở rộng lãnh thổ lên tận Nam Lào, bao trùm lên cả lưu vực sông Chao Phaya. Trong khi đó qua các di tích khảo cổ học, dấu tích của văn hoá Khmer và văn minh Angkor ở vùng Đồng Nai – Gia Định hết sức mờ nhạt. Vùng đất Nam Bộ như bị bỏ quên mãi cho đến khi các đời Chúa Nguyễn tổ chức những cuộc di dân vào khai phá, lập ấp dựng làng.

Giá trị lịch sử của vùng đất Ba Thê chính là những di sản bị chôn vùi dưới lòng đất này. Sau một đêm đọc lại những tư liệu cũ hôm nay tôi trở lại Linh Sơn cổ tự chiêm bái ngôi chùa cổ kính trăm năm nơi lưu giữ bức tượng Phật bốn tay – nguyên bản là tượng thần Vishnu (được Nhà nước công nhận là di sản quốc gia) và hai bia đá cổ có niên đại khoảng thế kỷ thứ V, tôi không khỏi bồi hồi. Sau đó, lại được hướng dẫn ra khu di tích Thái Sơn Nam đang khai quật phía sau chùa rồi qua Gò Cây Thị liên hoan nhẹ cùng các anh chị em trong Ban quản lý di sản. Trong men rượu lâng lâng tôi chợt ngậm ngùi. Bỗng nhiên tôi buột miệng lầm nhảm đọc 2 câu thơ trong bài Chử Nhân của Nguyễn Công Trứ: “Ngã kim nhật tại tọa chi địa/ Cổ chi nhân tăng tiên ngã tọa chi” (ý nói: chỗ mà ta đang ngồi hôm nay thì người xưa đã từng ngồi trước rồi). Dưới lòng đất này còn nhiều chứng tích của một nền văn minh rực rỡ. Hãy khai quật và nghiên cứu để có một cái nhìn chân xác hơn về những lớp người đi trước chúng ta.